

Bản án số: 177/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 4 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Trung.
2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị NE, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Ấp BC 2, xã BM, huyện CP, tỉnh AG; chỗ ở hiện nay: Số 191 tổ 07, ấp Hòa Bình, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hữu T, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Ấp BC 2, xã BM, huyện CP, tỉnh AG (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị NE trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà NE và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BM ngày 13/12/2012.

Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà NE yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà NE và ông T có 02 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 22/01/2012 và Lê Hoàng Ph, sinh ngày 12/11/2013, do bà NE đang nuôi dưỡng. Bà NE yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, không ông T cấp dưỡng cho các con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông Lê Hữu T vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Bà NE khai đang làm nghề mua bán, thu nhập khoảng 7-8.000.000 đồng/tháng; nay giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi các con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà NE ly hôn với ông T.

- Về con chung: Đề nghị giao cả 02 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 22/01/2012 và Lê Hoàng Ph, sinh ngày 12/11/2013 cho bà NE tiếp tục nuôi dưỡng; bà NE không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho các con nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà NE và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BM ngày 13/12/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà NE và ông T được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, bà NE và ông T có phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt nên việc hòa giải đoàn tụ không thành; cho đến nay vợ chồng vẫn không thể tự hàn gắn tình cảm.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa bà NE và ông T đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà NE ly hôn với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

[3.1] Bà NE và ông T có 02 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 22/01/2012 và Lê Hoàng Ph, sinh ngày 12/11/2013, đang do bà NE trực tiếp nuôi dưỡng. Bà NE yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con; ông T không có ý kiến về việc nuôi con. Xét, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, bà NE là người trực tiếp nuôi dưỡng các con và có khả năng để nuôi dưỡng các con. Cháu Lê Thị Tường V và cháu Lê Hoàng Ph có nguyện vọng tiếp tục chung sống với bà NE; hiện nay cháu V và cháu Ph đang học tiểu học tại xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, các cháu đang ổn định về chỗ ở, sinh hoạt và học tập. Để tạo điều kiện cho các con ổn định về T lý, chỗ ở và sự phát triển về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả 02 con chung tên Lê Thị Tường V và Lê Hoàng Ph cho bà NE trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về cấp dưỡng: Bà NE không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Bà NE cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có

thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà NE phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông T không phải chịu án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình 2000; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phan Thị NE ly hôn với ông Lê Hữu T.

**2.** Về con chung:

- Bà Phan Thị NE được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung tên Lê Thị Tường V, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2012 và Lê Hoàng Ph, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2013.

- Ông Lê Hữu T không phải cấp dưỡng cho các con chung tên Lê Thị Tường V và Lê Hoàng Ph, do bà Phan Thị NE không yêu cầu cấp dưỡng.

- Bà Phan Thị NE cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Lê Hữu T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Phan Thị NE phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà NE đã nộp theo biên lai thu số 0006500 ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bà Phan Thị NE có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Hữu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- UBND xã BM  
(khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Linh**